

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
N CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Ông Đặng Huy Du

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử công khai vụ án thụ lý số 342/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; chỗ ở: Xóm 1, thôn M, xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; nơi tạm trú: Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Chị và anh Ngô Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H vào ngày 25 tháng 7 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không quan tâm đến vợ con, anh H có thu nhập không ổn định và còn chơi cờ bạc,

những lúc mâu thuẫn căng thẳng anh H còn đánh chị. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên giữa năm 2017 chị và các con đã về nhà bố mẹ chị tại xóm 1, thôn M, xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố H sinh sống và cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân. Từ khi anh H sang Hàn Quốc làm việc thì chưa trở về Việt Nam, vợ chồng không còn nói chuyện, quan tâm đến nhau nữa, thỉnh thoảng anh H có gọi điện về để nói chuyện với con. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Thanh Ngọc, sinh ngày 29/11/2014 và Ngô Thanh Hiền, sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị. Anh H vẫn gửi tiền về cho chị để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ly hôn chị đồng ý giao con Ngô Thanh Ngọc, sinh ngày 29/11/2014 cho anh Ngô Văn H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con thành niên; đề nghị Toà án giao con Ngô Thanh Hiền cho chị trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Hiện nay anh H đang ở N ngoài nên chị sẽ nuôi cháu Ngọc cho anh H đến khi anh H về N. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Ngô Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố H đã thông báo cho gia đình anh H cung cấp địa chỉ của anh H tại Hàn Quốc và yêu cầu gia đình anh H cho biết kết quả đã thông báo cho anh H biết để gửi lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ về Tòa án. Chị gái của anh H là chị Ngô Thị Tuyên đã có ý kiến như sau:

Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H ngày 25/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng bố mẹ chị tại thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H. Quá trình chung sống hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2019 đến nay anh H đi Hàn Quốc lao động, còn chị N và hai con về nhà bố mẹ đẻ tại Xóm 1, thôn M, xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố H sinh sống. Chị đã nhận được các Thông báo của Toà án về việc cung cấp địa chỉ của anh H, chị đã liên lạc với anh H nhưng anh H không nói cho chị địa chỉ của anh H bên Hàn Quốc nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh H cho Toà án được. Các văn bản Toà án gửi cho anh H chị đã giao cho anh H đầy đủ. Chị đã trao đổi với anh H về việc chị N có đơn xin ly hôn thì anh H nói đồng ly hôn với chị N vì hai vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hoà giải được.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Ngô Thanh Ngọc, sinh ngày 29/11/2014 và Ngô Thanh Hiền, sinh ngày 09/11/2016. Hiện hai cháu đang ở với chị N tại Việt Nam. Quan điểm của anh H khi ly hôn đề nghị Toà án giao cho chị N và anh H mỗi người một con. Hiện anh H không ở Việt Nam để chăm sóc con được nên anh vẫn để chị N chăm sóc, khi nào về Việt Nam anh sẽ đón con. Việc cấp dưỡng nuôi con anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Tuyên đã trao đổi với anh H, anh H nói không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị N và anh H không thể hòa giải, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Ngô Văn H.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Ngô Thanh Ngọc, sinh ngày 29/11/2014 và Ngô Thanh Hiền, sinh ngày 09/11/2016. Chị N và anh H đều có nguyện vọng được mỗi người nuôi một con, Tòa án đã hỏi nguyện vọng của các con thì cháu Ngô Thanh Ngọc có nguyện vọng được ở với bố, cháu Ngô Thanh Hiền có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Tòa án giao con Ngô Thanh Ngọc cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Ngô Thanh Hiền cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh Ngô Văn H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; nơi tạm trú: Hàn Quốc; nguyên đơn là chị Đỗ Thị N; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H; chỗ ở: Xóm 1, thôn M, xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố H căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, chị Đỗ Thị N vắng mặt nH có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Ngô Văn H vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Ngô Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố H, tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, hơn nữa anh H đi làm xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, hai bên sống mỗi người một nơi, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị N và anh Ngô Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung Ngô Thanh N, sinh ngày 29/11/2014 và Ngô Thanh H, sinh ngày 09/11/2016, hiện đang ở cùng chị N. Ly hôn, chị N và anh H đều có nguyện vọng mỗi người được nuôi một con. Chị N đề nghị giao con Ngô Thanh Ngọc cho anh H nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao con Ngô Thanh Hiền cho chị nuôi dưỡng đến khi thành niên, hiện anh H đang ở N ngoài nên chị N sẽ nuôi cháu Ngọc cho anh H đến khi anh H về Việt Nam. Cháu Ngọc có nguyện vọng được ở với bố, cháu Hiền có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị N trình bày anh H vẫn gửi tiền về để chăm sóc nuôi dưỡng con nên HĐXX căn cứ vào các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Ngô Thanh Ngọc cho anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Ngô Thanh Hiền cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Ngô Văn H.

Về con chung: Giao con chung Ngô Thanh N, sinh ngày 29/11/2014 cho anh Ngô Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Ngô Thanh H, sinh ngày 09/11/2016 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị N đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000425 ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Anh Ngô Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- UBND xã G, H. Thuỷ Nguyên, TP H (GCNKH ngày 25/7/2014);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng

